



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số 6919 /VP-HCTC ngày 22/10/2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở cơ quan, đơn vị có mặt tại thời điểm báo cáo: 163 người.

Gồm: Văn phòng UBND tỉnh: 96 công chức; 19 Hợp đồng lao động.
Trung tâm PV.HCC: 12 công chức; 8 viên chức; 1 Hợp đồng lao động.
Trung tâm Thông tin HN: 20 viên chức; 7 Hợp đồng lao động.

Trong đó:

- 1. Số người được nâng bậc lương thường xuyên ở cơ quan, đơn vị trong năm: 33 người;
- 2. Số người được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị trong năm: 16 người;
- 3. Số người đã có thông báo nghỉ hưu được nâng bậc lương trước thời hạn ở cơ quan, đơn vị trong năm: 01 người.

Số thứ tự	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc trong năm					
		Nam	Nữ		Ngạch hoặc chức danh	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	TNVK (%)	Ngạch hoặc chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau	TN VK (%)	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên														140.702
1	Nguyễn Đức Tâm	1981		CVCC	1.001	1	6,2	27/10/2023		1.001	2	6,56	27/10/2026		1.822
2	Nguyễn Ngọc Sâm	1972		CVCC	1.001	1	6,2	01/11/2023		1.001	2	6,56	01/11/2026		1.822
3	Trần Phước Hiền	1975		CVCC	1.001	1	6,2	30/10/2023		1.001	2	6,56	30/10/2026		1.822
4	Nguyễn Phước Bình	1977		CVCC	1.001	1	6,2	30/10/2023		1.001	2	6,56	30/10/2026		1.822
5	Nguyễn Tăng Khôi	1980		CVC	1.002	3	5,08	01/10/2023		1.002	4	5,42	01/10/2026		2.581
6	Nguyễn Thanh Liêm	1977		CV	1.003	6	3,99	01/10/2023		1.003	7	4,32	01/10/2026		2.505
7	Huỳnh Ngọc Bút	1988		CV	1.003	5	3,66	01/10/2023		1.003	6	3,99	01/10/2026		2.505
8	Huỳnh Bảo Ngọc		1991	CV	1.003	4	3,33	01/10/2023		1.003	5	3,66	01/10/2026		2.505
9	Trịnh Phi Cường	1988		CV	1.003	4	3,33	01/03/2023		1.003	5	3,66	01/03/2026		8.349
10	Nguyễn Văn Toàn	1981		CVC	1.002	2	4,74	01/09/2023		1.002	3	5,08	01/09/2026		3.441

11	Đặng Thị Thúy Diễm		1986	CV	1.003	4	3,33	01/07/2023		1.003	5	3,66	01/07/2026		5.009
12	Văn Khắc Tiến	1978		CV	1.003	5	3,66	11/05/2023		1.003	6	3,99	11/05/2026		6.262
13	Lê Xuân Diệp	1978		CV	1.003	6	3,99	01/09/2023		1.003	7	4,32	01/09/2026		3.340
14	Phan Thị Phương Mai		1989	CV	1.003	6	3,99	01/05/2023		1.003	7	4,32	01/05/2026		6.679
15	Nguyễn Tuấn Huy	1979		NV lái xe	1.010	6	2,95	01/10/2024		1.010	7	3,13	01/10/2026		1.366
16	Huỳnh Thị Lệ Huyền		1980	NV lễ tân	1.009	12	2,98	01/01/2025	7	1.009	12	2,98	01/01/2026	8	905
17	Nguyễn Thị Hiền		1977	NV lễ tân	1.009	12	2,98	01/04/2025	11	1.009	12	2,98	01/04/2026	12	679
18	Trịnh Văn Học	1978		NV bảo vệ	1.011	7	2,58	01/10/2024		1.011	8	2,76	01/10/2026		1.366
19	Hồ Văn Quang	1989		NV lái xe	1.010	6	2,95	01/09/2024		1.010	7	3,13	01/09/2026		1.822
20	Nguyễn Thị Bích Tuyền		1982	CV	1.003	6	3,99	01/08/2023		1.003	7	4,32	01/08/2026		4.175
21	Lê Thị Lan Anh		1986	Kế toán viên	6.031	5	3,66	14/07/2023		6.031	6	3,99	01/07/2026		5.009
22	Nguyễn Quý Linh	1986		CV	1.003	6	3,99	01/07/2023		1.003	7	4,32	01/07/2026		5.009
23	Lê Ngọc Hào	1987		CV	1.003	5	3,66	01/07/2023		1.003	6	3,99	01/07/2026		5.009
24	Huỳnh Đức Như	1992		CV	1.003	3	3	01/06/2023		1.003	4	3,33	01/06/2026		5.844
25	Nguyễn Kiều Mỹ Duyên		1998	CV	1.003	1	2,34	12/05/2023		1.003	2	2,67	12/05/2026		6.262
26	Đặng Quý Khuyến Công	1983		CV	1.003	5	3,66	01/05/2023		1.003	6	3,99	01/05/2026		6.679
27	Lê Huỳnh Anh		1981	CV	1.003	5	3,66	01/09/2023		1.003	6	3,99	01/09/2026		3.340
28	Vũ Đình Hậu	1986		CV	1.003	4	3,33	01/04/2023		1.003	5	3,66	01/04/2026		7.514
29	Nguyễn Hồng Lân	1977		NV kỹ thuật	1.005	12	3,63	01/04/2025	10	1.005	12	3,63	01/04/2026	11	827
30	Trần Vũ Bảo	1990		CV	1.003	3	3	01/01/2023		1.003	4	3,33	01/01/2026		10.019
31	Phạm Thị Ngọc Trinh		1993	CV	1.003	3	3	01/02/2023		1.003	4	3,33	01/02/2026		9.184
32	Nguyễn Thị Hoài Thu		1990	CV	1.003	4	3,33	01/04/2023		1.003	5	3,66	01/04/2026		7.514
33	Trịnh Văn Minh	1970		CVC	1.002	8	6,78	01/04/2023		1.002	8	6,78	01/04/2026	5	7.719
II	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ														83.364
1	Lê Thị Thanh Thủy		1974	CVC	1.002	5	5,76	01/07/2024		1.002	6	6,10	01/7/2026		5.161
2	Ngô Văn Hạ	1975		CVC	1.002	1	4,40	01/3/2024		1.002	2	4,74	01/3/2026		8.602
3	Trần Thị Thanh Thủy		1984	CVC	1.002	3	5,08	01/6/2024		1.002	4	5,42	01/6/2026		6.021
4	Phan Thị Phụng		1988	CV	1.003	5	3,66	01/01/2024		1.003	6	3,99	01/4/2026		7.514
5	Lê Thị Xuân		1987	CV	1.003	5	3,66	01/12/2024		1.003	6	3,99	01/03/2027		8.349
6	Bùi Nhật Trường	1980		CVC	1.002	3	5,08	01/6/2024		1.002	4	5,42	01/9/2026		3.441
7	Lê Quang Vĩ	1991		CV	1.003	4	3,33	01/7/2024		1.003	5	3,66	01/10/2026		2.505
8	Trần Thị Hương Giang		1989	CV	1.003	4	3,33	01/4/2024		1.003	5	3,66	01/10/2026		2.505
9	Hoàng Thị Thùy Linh		1987	CS	1.004	8	3,26	01/4/2025		1.004	9	3,46	01/10/2026		1.518
10	Nguyễn Trí Đức	1992		Lưu trữ	V.01.02.	3	3,00	01/07/2024		V.01.02	4	3,33	01/01/2027		0
11	Đinh Minh Hải	1977		CVC	1.002	3	5,08	1/12/2024		1.002	4	5,42	01/6/2027		6.021

[illegible]